

QUYẾT ĐỊNH

Quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn; tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15, số 146/2025/QH15 và số 147/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Đất đai năm 2024);

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn; tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác; việc rà soát, công bố công khai các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt; điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số điều tại Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, gồm:

1. Trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn theo quy định khoản 7 Điều 43.
2. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46.
3. Rà soát, công bố công khai, quy định cụ thể việc lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt theo quy định tại khoản 4 Điều 47.
4. Điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập theo quy định tại khoản 3 Điều 59.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước được giao thực hiện quyền hạn và trách nhiệm trong lĩnh vực đất đai.
2. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Chương II

QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHO THUÊ QUỸ ĐẤT NGẮN HẠN

Điều 3. Trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn

1. Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm hoặc khi phát sinh khu đất, thửa đất có khả năng cho thuê ngắn hạn, Tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm rà soát quỹ đất được cơ quan có thẩm quyền giao quản lý, khai thác theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, xác định các khu đất, thửa đất có khả năng cho thuê ngắn hạn để lập danh mục các khu đất, thửa đất cho thuê ngắn hạn; đề xuất đơn giá khởi điểm cho thời gian thuê đất ngắn hạn đối với từng thửa đất, khu đất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đơn giá khởi điểm, Tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm công bố công khai thông tin nội dung danh mục theo Mẫu số 01 ban hành kèm Quyết định này trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Phú Quý (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi có đất và Tổ chức phát triển quỹ đất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố công khai.

a) Trong thời gian công bố công khai, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê đất lập Đơn đề nghị thuê đất ngắn hạn (Mẫu số 02) được đựng trong phong bì dán kín và nộp tại Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích; trường hợp nộp trực tiếp, người nộp bỏ vào thùng tiếp nhận được niêm phong tại trụ sở của Tổ chức phát triển quỹ đất; trường hợp gửi qua dịch vụ bưu chính, Tổ chức phát triển quỹ đất giữ nguyên tình trạng niêm phong của phong bì và bỏ vào thùng tiếp nhận.

b) Hết thời gian công bố công khai, Tổ chức phát triển quỹ đất và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất mở niêm phong thùng phiếu, lập biên bản xác định tổ chức, cá nhân có đề xuất đơn giá thuê cao nhất. Bảo đảm tính công khai, minh bạch và công bằng trong quá trình lựa chọn tổ chức, cá nhân được thuê đất.

c) Trường hợp hết thời hạn công bố công khai mà không có tổ chức, cá nhân xin thuê đất thì Tổ chức phát triển quỹ đất thực hiện lại việc công bố công khai theo quy định.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công bố công khai thông tin, Tổ chức phát triển quỹ đất thực hiện ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

a) Sau 02 lần Tổ chức phát triển quỹ đất gửi thư mời đến tổ chức, cá nhân được lựa chọn đến để ký hợp đồng thuê đất nhưng không ký hợp đồng hoặc đã ký hợp đồng nhưng không nộp tiền thuê đất, tiền đặt cọc theo quy định thì Tổ chức phát triển quỹ đất hủy kết quả lựa chọn đối với tổ chức, cá nhân đó và lựa chọn ký hợp đồng thuê với tổ chức, cá nhân có đề xuất đơn giá thuê liền kề (không thấp hơn đơn giá khởi điểm) trong số các đơn đề nghị thuê đất hợp lệ còn lại cùng đợt công bố, công khai. Nếu không còn tổ chức, cá nhân có hồ sơ hợp lệ hoặc các tổ chức, cá nhân còn lại không ký hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ theo quy định thì Tổ chức phát triển quỹ đất thực hiện công bố công khai lại theo quy định.

Trường hợp có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên có mức đề xuất giá thuê bằng nhau và đều đủ điều kiện được thuê đất thì Tổ chức phát triển quỹ đất thực hiện bốc thăm công khai để lựa chọn một tổ chức, cá nhân thuê đất.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, tổ chức, cá nhân được thuê đất phải nộp đủ số tiền đặt cọc bảo đảm nghĩa vụ tháo dỡ công trình và tiền thuê đất kỳ đầu tiên được ghi trong hợp đồng. Mức tiền đặt cọc do Tổ chức phát triển quỹ đất xác định đối với từng khu đất, thửa đất trên cơ sở chi phí dự kiến hợp lý để tháo dỡ công trình, vận chuyển và khôi phục mặt bằng.

c) Sau khi bên thuê đất nộp đủ tiền đặt cọc và tiền thuê đất kỳ đầu tiên, Tổ chức phát triển quỹ đất chủ trì phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất tiến hành bàn giao đất trên thực địa và lập biên bản bàn giao.

Điều 4. Trách nhiệm của Tổ chức phát triển quỹ đất

1. Trước mỗi lần công bố danh mục cho thuê đất ngắn hạn, Tổ chức phát triển quỹ đất rà soát hiện trạng khu đất, thửa đất và tài sản gắn liền với đất, đề xuất đơn giá khởi điểm theo quy định tại Điều 3 Quyết định này.

2. Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân được lựa chọn nộp tiền thuê đất về số tiền, thời hạn, phương thức nộp tiền thuê đất, khoản tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện trách nhiệm tháo dỡ công trình.

3. Thực hiện thanh lý hợp đồng, tiếp nhận lại đất và tài sản gắn liền với đất khi hết thời hạn thuê đất. Trường hợp trong thời hạn hợp đồng, Nhà nước thực hiện kế hoạch sử dụng đất dẫn đến phải chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì Tổ chức phát triển quỹ đất phải thông báo bằng văn bản cho bên thuê đất biết chậm nhất là 60 ngày trước ngày thanh lý hợp đồng.

4. Quản lý, sử dụng số tiền đặt cọc này để tự tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân thực hiện tháo dỡ công trình trên đất trong trường hợp hết hạn, thanh lý hợp đồng thuê đất mà bên thuê đất không thực hiện việc tháo dỡ công trình và bàn giao mặt bằng theo đúng thời gian quy định. Sau khi thanh toán các chi phí thực tế và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định, phần tiền đặt cọc còn lại được hoàn trả cho bên thuê đất. Trường hợp khoản tiền đặt cọc không đủ thanh toán các chi phí thì bên thuê đất có trách nhiệm thanh toán phần chi phí còn thiếu.

Chương III

QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG, ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT SANG MỤC ĐÍCH KHÁC

Điều 5. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác

1. Chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất thì phải có phương án trồng rừng thay thế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

2. Đối với chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa phải thực hiện nghĩa vụ nộp khoản tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 182 Luật Đất đai năm 2024 và pháp luật có liên quan, trừ trường hợp pháp luật quy định không phải nộp.

3. Đối với trường hợp phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường thì thực hiện đánh giá tác động môi trường, thủ tục cấp giấy phép môi trường, đăng ký môi trường và các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường theo quy định; trường hợp hộ gia đình, cá nhân chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa sang đất ở mà không thực hiện dự án đầu tư thì khi cơ quan thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất không yêu cầu tài liệu về thủ tục môi trường.

Chương IV**CHI TIẾT VIỆC RÀ SOÁT, CÔNG BỐ CÔNG KHAI, QUY ĐỊNH CỤ THỂ VIỆC LẬP DANH MỤC CÁC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP, VIỆC GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT ĐỐI VỚI CÁC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP, NĂM XEN KẾT****Điều 6. Rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, năm xen kết do Nhà nước quản lý**

1. Trước ngày 15 tháng 10 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành rà soát các thửa đất nhỏ hẹp, năm xen kết do Nhà nước quản lý trên địa bàn; xác định vị trí, diện tích, ranh giới, hiện trạng sử dụng, dự kiến sử dụng thửa đất vào mục đích công cộng và dự kiến giao đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất liền kề; lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, năm xen kết do Nhà nước trực tiếp quản lý theo Mẫu số 03 ban hành kèm Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi lập dự thảo danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, năm xen kết thì tiến hành thông báo ít nhất 01 lần trên phương tiện truyền thông của địa phương; niêm yết, công bố công khai tại trụ sở làm việc, nhà văn hóa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố nơi có thửa đất nhỏ hẹp, năm xen kết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố công khai để lấy ý kiến người dân nơi có đất; đồng thời, gửi văn bản lấy ý kiến về nhu cầu sử dụng đất của người sử dụng đất liền kề các thửa đất nhỏ hẹp, năm xen kết.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc công bố công khai tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Lập biên bản kết thúc công khai; tổng hợp, tiếp thu, giải trình các kiến nghị của người sử dụng đất (nếu có) và hoàn thiện danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, năm xen kết;

b) Đăng tải kết quả tổng hợp, tiếp thu, giải trình và danh mục đã hoàn thiện các thửa đất nhỏ hẹp, năm xen kết trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã; niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở thôn, tổ dân phố để người dân nơi có đất được biết trong 30 ngày.

Điều 7. Giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, năm xen kết do Nhà nước quản lý

1. Việc giao đất, cho thuê đất thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 47 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP và quy định của pháp luật liên quan.

2. Trình tự thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đất đai theo thẩm quyền đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Sau khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, người sử dụng đất liền kề phải thực hiện thủ tục hợp thửa đất theo quy định.

Chương V
ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHÍ, QUY MÔ, TỶ LỆ
ĐỂ TÁCH THÀNH DỰ ÁN ĐỘC LẬP

Điều 8. Điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập

1. Khu đất để tách thành dự án độc lập phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chí sau:

a) Sử dụng đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc thỏa thuận nhận quyền sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 127 của Luật Đất đai;

b) Có quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý được quy định tại khoản 1 Điều 217 của Luật Đất đai, gồm một thửa đất hoặc nhiều thửa đất phải liền vùng, liền thửa;

c) Phù hợp với các quy hoạch, gồm: Quy hoạch tỉnh, quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch chi tiết theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Có ít nhất một mặt tiếp giáp với đường giao thông hiện trạng hoặc đường giao thông đã được quy hoạch, có chiều rộng mặt đường tối thiểu là 05 m, bảo đảm được kết nối với đường giao thông công cộng hiện có;

đ) Đối với dự án thực hiện trong khu vực đô thị phải phù hợp với định hướng phát triển đô thị, chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt;

e) Kích thước cạnh thửa đất tiếp giáp với đường giao thông theo quy định tại điểm d khoản này ≥ 25 m; chiều sâu thửa đất tính từ mép lộ giới hoặc mép đường hiện trạng (đối với đường chưa có lộ giới) ≥ 25 m.

2. Quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập (không tính phần diện tích đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình công cộng) khi đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Các dự án xây dựng nhà ở thương mại; dự án thương mại, dịch vụ và cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Đối với địa bàn các phường và đặc khu, diện tích đất sau khi tách thành dự án độc lập phải $\geq 1.500 \text{ m}^2$ và chiếm tỷ lệ $\geq 20\%$ so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án;

Đối với địa bàn các xã, diện tích đất sau khi tách thành dự án độc lập phải $\geq 2.500 \text{ m}^2$ và chiếm tỷ lệ $\geq 30\%$ so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.

b) Các dự án không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này tại địa bàn các xã, phường và đặc khu, diện tích đất sau khi tách thành dự án độc lập phải $\geq 3.000 \text{ m}^2$ và chiếm tỷ lệ $\geq 20\%$ so với tổng diện tích khu đất đề xuất thực hiện dự án.

3. Trường hợp diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý mà không đủ điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập theo quy định tại khoản 1, 2 của Điều này thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền

1. Cơ quan, người có thẩm quyền có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai khi thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến quy định tại Quyết định này theo quy định của pháp luật về đất đai.
2. Cơ quan, người có thẩm quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền của mình được giao; đồng thời, thực hiện báo cáo định kỳ, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định.

Điều 10. Quy định chuyển tiếp

Đối với các trường hợp đã tiếp nhận hồ sơ, đang thực hiện theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà chưa giải quyết đến kết quả cuối cùng thì tiếp tục thực hiện theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành hoặc nộp lại hồ sơ để giải quyết theo quy định tại Quyết định này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2026.
2. Bãi bỏ các Quyết định sau đây kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, gồm:
 - a) Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (cũ) quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất có quy mô nhỏ hơn 02 ha sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ);
 - b) Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (cũ) quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (cũ);
 - c) Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (cũ) quy định trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ);
 - d) Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (cũ) quy định việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý; điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách diện tích đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (cũ);
 - đ) Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) quy định việc rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (cũ);
 - e) Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (cũ);

g) Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) quy định tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất nhỏ hơn 02 ha sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (cũ).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc thì các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Phú Quý, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét theo quy định.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó. Các nội dung khác không được quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai và quy định có liên quan.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng/Giám đốc các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Phú Quý; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Như khoản 5 Điều 11;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm Thông tin và Hội nghị (VP UBND tỉnh);
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên

Mẫu số 01

Danh mục các khu đất, thửa đất và tài sản gắn liền với đất do tổ chức phát triển quỹ đất được giao quản lý, khai thác cho thuê đất ngắn hạn.

CƠ QUAN...¹.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO DANH MỤC

Các khu đất, thửa đất và tài sản gắn liền với đất do tổ chức phát triển quỹ đất được giao quản lý, khai thác cho thuê đất ngắn hạn

Tổ chức phát triển quỹ đất triển khai cho thuê ngắn hạn, với thông tin:

TT	Khu đất/thửa đất						Thời gian cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê (đồng/m ² /năm)	Ghi chú
	Số tờ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hiện trạng	Địa chỉ			

1. Trình tự đăng ký tham gia

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất và của Tổ chức phát triển quỹ đất. Tổ chức, cá nhân tham gia gửi về Tổ chức phát triển quỹ đất (địa chỉ; số điện thoại:). Đơn đề nghị thuê đất ngắn hạn (theo biểu mẫu số 02 kèm theo Quyết định này) bằng các hình thức sau:.....

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn công bố công khai, Tổ chức phát triển quỹ đất thông báo đến tổ chức, cá nhân được chọn (tổ chức, cá nhân có đơn xin thuê đất và đề xuất giá thuê cao nhất) đến để thực hiện ký hợp đồng. Sau 02 lần gửi thư mời đến tổ chức, cá nhân được lựa chọn đến để ký hợp đồng thuê đất nhưng không ký hợp đồng hoặc đã ký hợp đồng nhưng không nộp tiền thuê đất, tiền đặt cọc theo quy định, Tổ chức phát triển quỹ đất hủy kết quả lựa chọn đối với tổ chức, cá nhân đó và lựa chọn ký hợp đồng thuê

với tổ chức, cá nhân có đề xuất đơn giá thuê liền kề (không thấp hơn đơn giá khởi điểm) trong số các đơn đề nghị thuê đất hợp lệ còn lại cùng đợt công bố, công khai.

2. Trách nhiệm của người được thuê đất

- Sử dụng đất đúng mục đích, diện tích, ranh giới và thời hạn thuê đất.

- Người được chọn thuê đất không được xây dựng các công trình kiên cố và phải cam kết tự nguyện tháo dỡ công trình khi được thông báo của Tổ chức phát triển quỹ đất về việc chấm dứt hợp đồng, không được bồi thường về đất, tài sản và chi phí đầu tư vào đất. Khi hết thời hạn thuê đất hoặc hợp đồng chấm dứt trước thời hạn, tổ chức, cá nhân được thuê đất phải tự tháo dỡ công trình, di chuyển tài sản, khôi phục và bàn giao mặt bằng trong thời hạn quy định.

- Chấp hành quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy và pháp luật khác có liên quan trong quá trình sử dụng đất.

Tổ chức phát triển quỹ đất thông báo để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu biết, đăng ký thuê đất và đề xuất đơn giá thuê theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

(ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Ghi tên Tổ chức phát triển quỹ đất.

Mẫu số 02 Đơn đề nghị thuê đất ngắn hạn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ ĐẤT NGẮN HẠN

Kính gửi: Tổ chức phát triển quỹ đất

1. Người đề nghị thuê đất:

1.1. Đối với cá nhân:

Họ và tên:

Căn cước công dân: ngày cấp.....nơi cấp

Nơi ở hiện nay:

Số điện thoại:

1.2. Đối với tổ chức:

- Tên tổ chức:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc giấy tờ pháp lý khác của tổ chức:

- Người đại diện theo pháp luật:

(Căn cước công dân: ngày cấp.....nơi cấp))

- Địa chỉ trụ sở:

- Điện thoại:

- Mã số thuế:

2. Tổ chức, cá nhân đề nghị thuê ngắn hạn khu đất sau:

- Địa chỉ khu đất:

- Thửa đất số.....,tờ bản đồ số.....

- Diện tích (m²):.....

- Mục đích thuê:.....

- Đề xuất đơn giá thuê:.....đồng/m²/năm.

(Bằng chữ:)

3. Trường hợp được lựa chọn thuê đất ngắn hạn đối với khu đất nêu trên, tổ chức, cá nhân cam kết:

- Chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, nộp tiền đặt cọc bảo đảm thực hiện trách nhiệm tháo dỡ công trình, tiền thuê đất đầy đủ, đúng hạn.
- Sử dụng đúng mục đích quy định, đúng ranh giới, đúng thời hạn thuê đất, đúng các điều khoản trong hợp đồng thuê đất.
- Không xây dựng các công trình kiên cố, tự tháo dỡ công trình khi được thông báo của Tổ chức phát triển quỹ đất về việc chấm dứt hợp đồng, không yêu cầu bồi thường về đất, tài sản và chi phí đầu tư vào đất.
- Chấp hành các quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường, trật tự công cộng, phòng cháy, chữa cháy.
- Trong thời hạn hợp đồng nhưng Nhà nước có kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai phải chấm dứt, thanh lý hợp đồng, thì cam kết sẽ bàn giao mặt bằng nguyên trạng cho Tổ chức phát triển quỹ đất theo đúng thời hạn của thông báo của Tổ chức phát triển quỹ đất và cam kết không yêu cầu được bồi thường về đất, tài sản và chi phí đầu tư vào đất.
- Trước khi chấm dứt hợp đồng thuê đất ngắn hạn, cam kết thanh toán hết tiền điện, nước, điện thoại, thuế, phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác để giao lại mặt bằng cho Tổ chức phát triển quỹ đất./.

Người đề nghị thuê đất
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Mẫu số 03

DANH MỤC CÁC THỬA ĐẤT NHỎ HẸP, NẴM XEN KẾT DO NHÀ
NƯỚC QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU...

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Diện tích (m ²)	Thửa đất	Tờ bản đồ số	Địa chỉ thửa đất	Hiện trạng sử dụng	Nguồn gốc thửa đất	Quy hoạch	Dự kiến phương án sử dụng đất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1								
2								
3								

Ghi chú:

- (5) Tổ dân phố, khu phố, thôn, ấp, xóm, bản...; số nhà (nếu có);
(8) Loại đất theo các quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu được phê duyệt theo quy
định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn;
(9) Dự kiến sử dụng vào mục đích công cộng hoặc dự kiến giao đất, cho thuê đất.

Người tổng hợp
(ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN...
CHỦ TỊCH
(ký tên, đóng dấu)